

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 100/2026/HS-ST
Ngày: 18 - 08- 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Sỹ**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Bùi Thị Hồng Nhở**

2. Ông **Trần Quốc Việt**

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vũ Lăng, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông **Tường Phước L**, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Vĩnh Long, xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2026/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Lê Minh T, Sinh ngày 01 tháng 02 năm 1988; nơi cư trú: **Ấp K, xã V, tỉnh Vĩnh Long**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Tấn T1**, sinh năm 1963 và bà **Thạch Thị N**, sinh năm 1962; vợ: **Trần Thị P**, sinh năm 1996; con: 03 người, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2023. Tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/5/2026 đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông **Nguyễn Văn H**. Sinh năm 1975

Nơi cư trú: **số C, Nguyễn Hòa L1, khóm A, phường T, tỉnh Vĩnh Long**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Trần Sốc**. Sinh năm 1986

Nơi cư trú: **ấp K, xã V, tỉnh Vĩnh Long**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 30/9/2023 bị cáo Lê Minh T đi bộ về nhà dọc theo tuyến Quốc lộ E hướng bên phải của bị cáo từ xã H, huyện C (hiện nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) về xã K, huyện C (hiện nay là xã V, tỉnh Vĩnh Long) khi đi đến đoạn thuộc ấp H, xã P, huyện C (hiện nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) bị cáo nhìn thấy bên trái hướng đi của bị cáo có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu sơn đỏ-đen, biển số 84B2-131.11 của ông Nguyễn Văn H, sinh ngày 22/4/1975, nơi thường trú: số C, Nguyễn Hòa L2, khóm A, phường T, tỉnh Vĩnh Long đang dừng trước tiệm tạp hóa, bánh tét Triệu Hương của ông Nguyễn Tấn T2, sinh ngày 25/7/1993, nơi thường trú: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long (gần hiệu bánh tét C), đầu xe hướng về thành phố T (nay là phường T), đuôi xe hướng về huyện C (nay là xã C) trên xe có gắn sẵn chìa khóa, không có người trông coi. Lúc này, bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô để làm phương tiện đi về nhà nên bị cáo đi bộ qua đường. Sau khi tiếp cận chiếc xe, bị cáo liền ngồi lên xe dùng chân trái đá chân chống nghiêng của xe mô tô, dùng tay phải bật chìa khóa khởi động xe mô tô rồi nhanh chóng tẩu thoát. Bị cáo điều khiển xe mô tô đi về hướng xã V. Sau đó, bị cáo điều khiển xe mô tô rẽ vào đoạn đường đaml liên ấp C, Cà Tum B, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh (hiện nay là xã V, tỉnh Vĩnh Long). Lúc này, bị cáo sợ đem xe về nhà bị phát hiện nên bị cáo đẩy chiếc xe mô tô vào lùm cây gần đường đaml, rồi đi bộ về nhà. Đến sáng hôm sau ngày 01/10/2023, bị cáo nhớ lại hành vi lấy trộm xe của người khác là sai nên bị cáo đến Công an xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (hiện nay là Công an xã H, tỉnh Vĩnh Long) đầu thú và trình bày lại toàn bộ sự việc.

Sau đó, bị cáo có chỉ vị trí bỏ xe mô tô và cùng Công an xã truy tìm nhưng không gặp, đến ngày 03/10/2023 bị cáo lên Công an xã P gặp ông Nguyễn Văn H thương lượng bồi thường chiếc xe cho ông H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Đến ngày 05/10/2023, bị cáo tìm được chiếc xe mô tô trên nhưng bị cáo không giao nộp cho Công an xã P mà sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến khoảng giữa năm 2024, bị cáo cho anh vợ của bị cáo là ông Trần S (sinh ngày 07/8/1986, nơi thường trú: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh (hiện nay là ấp K, xã V, tỉnh Vĩnh Long) chiếc xe mô tô mà bị cáo đã trộm của ông H để ông S sử dụng. Ngày 17/11/2025, ông S bị mất trộm chiếc xe mô tô trên, sau đó Công an xã V, tỉnh Vĩnh Long đã làm rõ vụ trộm cắp tài sản, thu hồi, tạm giữ chiếc xe mô tô và bàn giao lại cho Công an xã H, tỉnh Vĩnh Long tiếp tục điều tra, làm rõ vụ việc. (Bút lục 68; – 23; 70 – 71; 78 – 80; 100 – 108)

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL.HĐĐGTS ngày 09/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã H, kết luận: Tổng giá trị tài sản vụ Trộm cắp tài sản, xảy ra tại ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (hiện nay là ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 30/9/2023 theo Yêu cầu định giá tài sản số A2724/YC-VPCQCSĐT ngày 05/3/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V là 12.000.000 đồng. (Bút lục 20; 24 – 25)

- Về tình tiết tăng nặng: Không

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

- Đối với ông **Trần S** là người được bị cáo **T** cho xe mô tô biển số 84B2-131.11, quá trình điều tra xác định ông **S** không có tham gia với bị cáo để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và cũng không biết xe mô tô trên do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có, do đó không có căn cứ để xử lý ông **S** vai trò đồng phạm với bị cáo về tội Trộm cắp tài sản. (Bút lục 91 – 92).

- Đối với ông **Lâm Văn L3** – nguyên Trưởng **Công an xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh** (hiện là Trưởng **Công an xã L, tỉnh Vĩnh Long**) trong quá trình tiếp nhận tin báo vụ việc Trộm cắp tài sản, xảy ra tại **ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh** (hiện nay là **ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long**) vào ngày 30/9/2023 không tiếp nhận, xử lý theo quy định pháp luật. Hiện nay, Phòng tổ chức cán bộ, **Công an tỉnh V** có Công văn số 835/PX01, ngày 23/6/2026 gửi Văn phòng Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh V** về việc phối hợp cung cấp thông tin, tài liệu để củng cố hồ sơ xử lý theo quy định.

- *Vật chứng tạm giữ gồm*: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, xe không biển số, không có đèn chiếu sáng phía trước, không có ốp nhựa bảo vệ xe; số khung RLCJ2S0106Y036956; số máy: 2S01036956, xe đã qua sử dụng. (Bút lục: 16)

- *Xử lý vật chứng*: Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh V** đã nhập kho vật chứng xe mô tô trên tại Phân trại tạm giam An Trường thuộc Trại tạm giam số 3 **Công an tỉnh V** để bảo quản, quản lý theo quy định. (Bút lục 55 – 57)

- *Về trách nhiệm dân sự*: ông **Nguyễn Lâm Nguyên V** (con ruột ông **H**) là chủ sở hữu xe mô tô biển số 84B2-131.11 và **Nguyễn Văn H** đã nhận số tiền bồi thường 10.000.000 đồng của bị cáo **Lê Minh T**, không có yêu cầu bồi thường dân sự gì thêm (Bút lục: 97 – 99; 106 – 108; 185 – 186)

Tại bản cáo trạng số: 56/CT-VKSVLG-KV ngày 27/7/2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Vĩnh Long đã truy tố **Lê Minh T** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Vĩnh Long vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo **Lê Minh T** phạm tội “Trộm cắp tài sản” như bản cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án và nhân thân của bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b,i,r,s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Minh T** từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Đồng thời đề nghị xử lý tang vật chứng và buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh V, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Minh T đã khai nhận: Khoảng 18 giờ ngày 30/9/2023, tại đoạn thuộc ấp H, xã P, huyện C (hiện nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) bị cáo Lê Minh T có hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu sơn đỏ - đen, biển số 84B2-131.11 trị giá 12.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn H đang dựng trước tiệm tạp hóa, gần hiệu bánh tét C. Sau khi chiếm đoạt được tài sản bị cáo đem xe cất giấu vào lùm cây gần đường đaml liên ấp C, Cà Tum B, xã V rồi đi bộ về nhà ngủ, đến sáng hôm sau ngày 01/10/2023 bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm nên đến Công an xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (cũ), nay là Công an xã H, tỉnh Vĩnh Long tự thú.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và tang vật chứng đã thu giữ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Minh T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Vĩnh Long đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét thấy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Vĩnh Long truy tố bị cáo Lê Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[4] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự địa phương. Do đó, cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để nhằm răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên; khi phạm tội bị cáo thấy được hành vi sai trái của mình nên đã đến Công an xã tự thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục bồi thường xong cho bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên xem đây là những tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn H không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trần S1 có yêu cầu được nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, xe không biển số, không có đèn chiếu sáng phía trước, không có ốp nhựa bảo vệ xe, số khung RLCJ2S0106Y036956, số máy: 2S01036956, xe đã qua sử dụng là vật chứng trong vụ án. Nghĩ nên xem đây là yêu cầu chính đáng cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b,i,r,s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Minh T 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Minh T cho Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Vĩnh Long và Công an xã V, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn H không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Căn cứ: Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần S 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, xe không biển số, không có đèn chiếu sáng phía trước, không có ốp nhựa bảo vệ xe, số khung RLCJ2S0106Y036956, số máy: 2S01036956, xe đã qua sử dụng.

Căn cứ: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Lê Minh T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xử công khai; báo cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 10;
- Phòng THADS khu vực 10;
- TTG số 03 CA tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Sỹ